

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2024/HS-PT

Ngày: 30 - 7 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung

Bà Lâm Ngọc Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thành T và các bị cáo khác, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đối với bị cáo Võ Phúc T1; có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T, Cao Hồ Hoài P, Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Mai Thanh Nhựt T2, Đặng Hoàng T3, Nguyễn Hào P1, Võ Phúc T1, Trần Thanh K1; Đại diện hợp pháp của bị cáo T3 là bà Nguyễn Thị Thúy P2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thành T**, sinh ngày 31/5/2005, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn T4, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị P3, sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Cao Hồ Hoài P**, sinh ngày 08/01/2005 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: khu phố B, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Hồng B, sinh năm 1972 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1970; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Nguyễn Văn D**, Luật sư - Tư vấn viên pháp luật thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật - Hội luật gia tỉnh T (có mặt).

3. **Lê Trần Hồng K**, sinh ngày 25/01/2003, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: khu C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hồng K2, sinh năm 1970 và bà Trần Thị Lệ T5, sinh năm 1984; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. **Đỗ Minh V**, sinh ngày 19/12/2003, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Minh T6, sinh năm 1977 và bà Trần Thị C, sinh năm 1979; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. **Mai Thanh Nhứt T2**, sinh ngày 22/11/2006, tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Thanh T7, sinh năm 1978 và bà Từ Thị Thanh T8, sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

* Nhân thân: Ngày 12/8/2023, bị Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định 197/QĐ-XPHC.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà **Từ Thị Thanh T8**, sinh năm 1983, là mẹ ruột của bị cáo (có mặt).

Nơi cư trú: Khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Bùi Lưu L**, Luật sư, Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

6. **Đặng Hoàng T3**, sinh ngày 07/10/2006 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Đặng Hoàng V1, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Thúy P2, sinh năm 1975; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

* Nhân thân:

+ Ngày 07/7/2023 bị Ủy ban nhân dân thị trấn C, tỉnh Tiền Giang áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời hạn 01 tại Quyết định số 406/QĐ-UBND.

+ Ngày 22/8/2023 bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất an ninh trật tự vào ngày 05/7/2023 tại Quyết định số 07/QĐ-UBND.

+ Ngày 12/8/2023 bị Công an thị xã C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Quyết định số 198/QĐ-XPHC.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:* Bà **Nguyễn Thị Thúy P2**, sinh năm 1975, là mẹ ruột của bị cáo (có mặt).

Nơi cư trú: Khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông **Bùi Đức L1**, Luật sư, Văn phòng L3, Đoàn luật sư tỉnh T (có mặt).

7. **Nguyễn Hào P1**, sinh ngày 08/9/2005 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: khu phố A, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970 và bà Tăng Thị K3, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. **Trần Thanh K1**, sinh ngày 22/12/2003 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H1, sinh năm 1978 và bà Lưu Thị Kim A, sinh năm 1984; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

* Nhân thân:

+ Ngày 07/7/2023, bị Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang ra Quyết định số 407/QĐ-UBND áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy trong thời hạn 01 năm tại Quyết định số 407/QĐ-UBND.

+ Ngày 24/8/2023, bị Công an thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đồng về hành vi tham gia tụ tập nhiều người ở nơi công cộng gây mất an ninh trật tự vào ngày 05/7/2023 tại Quyết định 12/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/8/2023, chuyển tạm giam ngày 18/8/2023. Đến ngày 02/01/2024 thay thế biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

9. Võ Phúc T1, sinh ngày 13/9/2002 tại tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: Khu phố A, Phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn P4, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Ngọc Kim H2, sinh năm 1977; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 17/8/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Đặng Hoàng T3 có kháng cáo:* bà **Nguyễn Thị Thúy P2**, sinh năm 1975 (có mặt);

Nơi cư trú: Khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Cơ quan kháng nghị:* **Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.**

Ngoài ra, trong vụ án còn có 09 bị cáo khác; 01 bị hại; 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; Không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyễn Tấn S, sinh ngày 30/8/2005, Nguyễn Minh N, sinh ngày 22/01/2005, Trương Thanh M1, sinh ngày 07/8/2003, Nguyễn Hào P1, sinh ngày 08/9/2005, Cao Hồ Hoài P, sinh ngày 08/01/2005, Nguyễn Quốc T9, sinh ngày 30/4/2004, Võ Phúc T1, sinh ngày 13/9/2002, Nguyễn Minh T10, sinh ngày 10/6/2004, Nguyễn Hoàng Phước K4, sinh ngày 07/02/2004, Nguyễn Thành T, sinh ngày 31/5/2005. Tất cả là bạn bè quen biết nhau (gọi là nhóm thị xã C).

- Lê Minh T11, sinh ngày 25/4/2005, Lê Thanh Chí T12, sinh ngày 23/9/2004, Lê Trần Hồng K, sinh ngày 25/01/2003, Trần Thanh K1, sinh ngày 22/12/2003, Đặng Hoàng T3, sinh ngày 07/10/2006, Mai Thanh Nhựt T2, sinh ngày 22/11/2006, Võ Đặng Minh L2, sinh ngày 07/4/2006, Đỗ Minh V, sinh ngày 19/12/2003. Tất cả là bạn bè quen biết nhau (gọi là nhóm huyện C).

Khoảng 21 giờ ngày 05/8/2023, nhóm bạn ở thị xã C gồm: Nguyễn Quốc T9, Nguyễn Minh N, Trương Thanh M1, Nguyễn Hào P1, Cao Hồ Hoài P, Nguyễn Tấn S đến quán cà phê “Mint” trên đường V thuộc khu phố C, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang để uống nước. Cùng thời gian này, các bị cáo Lê Thanh Chí T12 và Lê Minh T11 (nhóm bạn ở huyện C) cũng ngồi uống nước gần bàn của nhóm bạn ở thị xã C. Trong khi ngồi gần bàn nhau và lúc đi vệ sinh, T12 và T11 thấy Cao Hồ Hoài P nhìn mình có vẻ thách thức (nhìn đều) nên T11 điện thoại cho Lê Trần Hồng K kêu K xuống thị xã C đánh người nhìn đều mình. Lúc này, K đang nhậu cùng Đỗ Minh V, Trần Thanh K1, Mai Thanh Nhật T2, Võ Đăng Minh L2 và Đặng Hoàng T3. K nói lại cho cả nhóm nhậu biết và rủ đi đánh người giúp T11 thì cả nhóm đồng ý.

Khoảng 20 phút sau, K cùng nhóm nhậu đến trước quán M2, T11 và T12 đi ra lộ dẫn nhóm của K vào quán, đi lại chỗ nhóm thị xã C đang ngồi. T12 hỏi Cao Hồ Hoài P “Mày kênh tao cái gì” và dùng tay đánh vào mặt P 01 cái, T11 cũng dùng tay đánh vào mặt P 01 cái rồi cả 02 nhóm xông vào đánh nhau bằng tay, dùng ghế xếp tại quán và T16 dùng làm mặt bàn của quán nước để làm hung khí đánh nhau. Nhóm huyện C sử dụng hung khí gồm: bị cáo T12 sử dụng dây thắt lưng và ghế xếp; các bị cáo T11, T3, K và T2 sử dụng ghế xếp; bị cáo V sử dụng nón bảo hiểm. Riêng bị cáo K1 và bị cáo L2 chỉ dùng tay đánh nhau với nhóm thị xã C, làm nhóm thị xã C bỏ chạy. Bị cáo Trương Thanh M1 và bị cáo Nguyễn Tấn S chạy sang quán bida “Phương A1” đối diện quán “Mint” kêu nhóm bạn ra phụ đánh lại nhóm Cái B1 gồm: các bị cáo Nguyễn Thành T, Nguyễn Minh T10, Nguyễn Hoàng Phước K4 và Võ Phúc T1. Nhóm thị xã C sử dụng hung khí gồm: bị cáo P sử dụng ghế xếp; bị cáo S và bị cáo P1 sử dụng thanh kim loại dùng làm mặt bàn; các bị cáo T9, M1, N, T10, T1 sử dụng cây cơ bida; bị cáo T sử dụng cây xôm gạo bằng kim loại; riêng bị cáo Kim c dùng tay đánh lại nhóm huyện C.

Hậu quả: các bị cáo Cao Hồ Hoài P, Đỗ Minh V, Mai Thanh Nhật T2 và Lê Thanh Chí T12 bị thương. Do thương tích nhẹ, các đối tượng không yêu cầu xử lý hình sự và từ chối giám định thương tật. Riêng bị cáo Lê Thanh Chí T12 có đơn yêu cầu giám định tỷ lệ thương tật và xử lý hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành T do có hành vi dùng cây xôm gạo đâm gây thương tích.

* Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã xử:

Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 và tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại và điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Lê Minh T11, Lê Thanh Chí T12, Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Mai Thanh Nhật T13, Đặng Hoàng T3, Cao Hồ Hoài P, Nguyễn Tấn S, Trương Thanh M1, Nguyễn Quốc T9, Nguyễn Minh N, Nguyễn Hào P1, Nguyễn Minh

T10, Võ Phúc T1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Trần Thanh K1, Võ Đăng Minh L2, Nguyễn Hoàng Phước K4 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 và điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của 02 tội:

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Trần Hồng K 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Minh V 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Cao Hồ Hoài P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hào P1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Mai Thanh Nhật T13 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T3 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Phúc T1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh K1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 09/8/2023 đến ngày 02/01/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Lê Minh T11, Lê Thanh Chí T12, Nguyễn Tấn S, Trương Thanh M1, Nguyễn Quốc

T9, Nguyễn Minh N, Nguyễn Minh T10, Võ Đăng Minh L2, Nguyễn Hoàng Phước K4, phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Tại quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 01/QĐ-VKSTXCL ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Võ Phúc T1, không xử dưới khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, bị cáo Đặng Hoàng T3 và người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Nguyễn Thị Thúy P2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, bị cáo Mai Thanh Nhựt T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

Các ngày 10, 12, 15 tháng 4 năm 2024, các bị cáo Đỗ Minh V, Võ Phúc T1, Trần Thanh K1, Lê Trần Hồng K, Cao Hồ Hoài P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, bị cáo Nguyễn Hào P1 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo hoặc các biện pháp không giam giữ khác.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, bị cáo Nguyễn Thành T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quyết định kháng nghị đối với bị cáo Võ Phúc T1.

- Bị cáo Võ Phúc T1 xin rút yêu cầu kháng cáo và không đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C.

- Các bị cáo Nguyễn Thanh T14, Cao Hồ Hoài P, Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Mai Thanh Nhựt T2, Đặng Hoàng T3, Trần Thanh K1, Nguyễn Hào P1, bà Nguyễn Thị Thúy P2 (đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Hoàng T3) giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư Nguyễn Văn D trình bày ý kiến bào chữa cho bị cáo Cao Hồ Hoài P tranh luận: Nguyên nhân phạm tội của bị cáo Cao Hồ Hoài P xuất phát từ hành vi trái pháp luật của bị cáo T12 và bị cáo T11. Do bị T12 và T11 đánh bất ngờ nên bị cáo P đã dùng ghế xếp có sẵn tại quán nước để chống đỡ lại theo phản xạ tự nhiên dẫn đến hành vi phạm tội. Bị cáo P có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, mới phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư Bùi Lưu L và Luật sư Bùi Đức L1 trình bày ý kiến bào chữa cho bị cáo Mai Thanh Nhựt T2 và bị cáo Đặng Hoàng T3: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo hối cải, mới phạm tội lần đầu, lúc phạm tội là người chưa thành niên, chính quyền địa phương xác nhận bị cáo có nhân thân tốt

và cùng với gia đình bảo lãnh giáo dục bị cáo trong thời gian tới. Đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348, Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Phúc T1; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo T3; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C; sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Phúc T1, không xử dưới khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Hoàng T3 và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Phúc T1 tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Phúc T1.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T, Cao Hồ Hoài P, Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Mai Thanh Nhựt T2, Nguyễn Hào P1, Trần Thanh K1, Đặng Hoàng T3 và người đại diện hợp pháp của bị cáo T3 là bà Nguyễn Thị Thúy P2, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các bản khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở xác định bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 và tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Mai Thanh Nhựt T2, Đặng Hoàng T3, Cao Hồ Hoài P, Nguyễn Hào P1, Võ Phúc T1 phạm tội “Gây rối trật tự” quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Thanh K1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mà còn xâm phạm đến sức khỏe, quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân nơi tập trung đông dân cư. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ khả năng nhận thức hành vi của mình là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm cải

tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và răn đe, phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội đúng quy định của Bộ luật Hình sự.

Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với từng bị cáo (trừ bị cáo Võ Phúc T1) là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Hoàng T3 là bà Nguyễn Thị Thúy P2 kháng cáo nhưng không bổ sung được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên yêu cầu kháng cáo của các bị cáo và của bà Nguyễn Thị Thúy P2 không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Xét kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C đối với bị cáo Võ Phúc T1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này, bị cáo Võ Phúc T1 với vai trò là người thực hành tích cực, không phải là người giúp sức, cũng không phải là không có vai trò đáng kể trong vụ án. Bởi, trong lúc bị cáo T1 đang chơi bida trong quán “Phương A1” đối diện quán “Mint”, nghe các bị cáo Trương Thanh M1, Nguyễn Thanh S1 chạy vào kêu cứu, thì bị cáo chủ động dùng cây cơ bida cầm trên tay chạy ra lộ, trực tiếp dùng cây cơ bida đánh trúng vào người của các bị cáo Lê Thanh Chí T12, Mai Thanh Nhựt T2 và Đỗ Minh V. Bị cáo đã sử dụng hung khí cùng với các đồng phạm khác để đánh nhau với nhóm của Lê Minh T11, làm nhóm của Lê Minh T11 bỏ chạy.

Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải tuyên xử bị cáo Võ Phúc T1 mức án ngang bằng với các bị cáo Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Cao Hồ Hoài P, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên phạt bị cáo Võ Phúc T1 mức án thấp hơn các bị cáo này.

Hơn nữa, bị cáo T1 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T1 dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là chưa nghiêm, chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSTXCL ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Võ Phúc T1, không xử dưới khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[5]. Xét, tranh luận và đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[6]. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Bị cáo Võ Phúc T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Phúc T1.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành T, Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Cao Hồ Hoài P, Nguyễn Hào P1, Trần Thanh K1, Đặng Hoàng T3, Mai Thanh Nhật T2; người đại diện hợp pháp của bị cáo Đặng Hoàng T3 là bà Nguyễn Thị Thúy P2.

- Chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKSTXCL ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 34/2024/HS-PT ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” và tội “Cố ý gây thương tích”; Bị cáo Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Mai Thanh Nhật T13, Đặng Hoàng T3, Cao Hồ Hoài P, Nguyễn Hào P1, Võ Phúc T1, Trần Thanh K1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 và điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội “Gây rối trật tự công cộng” và **06 (sáu) tháng tù** về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo **Nguyễn Thành T** phải chấp hành hình phạt chung là **03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Lê Trần Hồng K 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Đỗ Minh V 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Cao Hồ Hoài P 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hào P1 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Mai Thanh Nhật T13 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Đặng Hoàng T3 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Phúc T1 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; Điều 38; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh K1 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2023 đến ngày 02/01/2024.

2/- Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/- Về án phí: *Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T, Lê Trần Hồng K, Đỗ Minh V, Cao Hồ Hoài P, Nguyễn Hào P1, Trần Thanh K1, Đặng Hoàng T15 và Mai Thanh Nhật T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Bị cáo Võ Phúc T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- VKSND thị xã C;
- Công an thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lưu Thị Thu Thủy

